TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2019/HS-ST
Ngày 23 - 07 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Long và ông Trương Vĩnh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 171/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 06 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thành L**; Sinh ngày: 21/8/1994 Tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: phường K, thành phố B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Tiền án: 01, tiền sự: Không; Con ông: Nguyễn Văn L1, sinh năm 1972; con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1974. Hiện đều trú tại: phường K, thành phố B; Gia đình bị cáo có 6 chị, em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con.

Nhân thân:

Ngày 29/9/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố B, xét xử sơ thẩm tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù giam về tội Cướp giật tài sản (tại bản án số 300/2015/HSST), bị cáo kháng cáo. Ngày 27/11/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm tuyên phạt 03 năm tù giam về tội Cướp giật tài sản (tại bản án số 501/2015/HSPT). Ngày 06/10/2017, chấp hành xong án phạt tù về địa phương sinh sống.

Ngày 07/4/2019, có hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 08/4/2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, khởi tố về tội Trộm cắp tài sản và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, từ ngày 08/4/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:**

Ông Mai Tùng P, sinh năm 1950; Địa chỉ: phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1998; Địa chỉ: phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Bà Phan Thị Hoa H1, sinh năm 1968; Địa chỉ: phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; Địa chỉ: phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

4. Ông Nguyễn Thu L, sinh năm 1980; Địa chỉ: phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Duy Q, sinh năm 1990; Địa chỉ: phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1999; Địa chỉ: phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành L là đối tượng có 01 tiền án chưa được xóa án tích. Khoảng 08h00’ ngày 07/4/2019, L phát hiện nhà ông Mai Tùng P ở địa chỉ: phường K, thành phố B (là hàng xóm) không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L lấy 01 mỏ lết bằng kim loại màu trắng, dài 25cm, đi ra phía sau nhà mình trèo tường rào lưới B40 qua vườn nhà ông P, rồi đi lên phía trước nhà, dùng mỏ lết bẻ khuy khóa cửa chính đột nhập vào phòng ngủ thứ 2.Tại đây, L phát hiện hộc tủ nhỏ của tủ quần áo nhà ông P bị khóa nên đã dùng hai tay giật bung hộc tủ lấy: Số tiền 7.500.000đồng, bao gồm nhiều tờ tiền mệnh giá 10.000đồng, 20.000đồng, 50.000đồng, 100.000đồng và 500.000đồng; 02 bông tai, 01 nhẫn, 01 dây chuyền và 02 nhẫn phía ngoài khắc hình hai khẩu súng chéo nhau, tất cả đều là kim loại màu vàng; 01 dây chuyền, có dây bằng cước, màu đen dài 40cm, mặt dây chuyền bằng đá hình giọt nước, bên trong có đính hình con hổ bằng kim loại màu vàng.

Sau khi lấy được tài sản, L đem số nữ trang cất giấu tại khu vực vườn phía sau nhà bà Phan Thị Hoa H1, trú tại: phường K, thành phố B và mang mỏ lết cất giấu tại nhà bà Nguyễn Thị H, trú tại: phường K, thành phố B. Đối với số tiền 7.500.000đồng, L trả nợ cho chị Nguyễn Thị Kim N, trú tại: phường K, thành phố B số tiền 4.300.000đồng; trả nợ cho anh Nguyễn Duy Q, trú tại: phường K, thành phố B, số tiền 1.000.000đồng và đưa cho anh Nguyễn Văn T, trú tại: phường K, thành phố B số tiền 2.020.000đồng để đi chuộc lại điện thoại di động mà L đã cầm cố trước đó tại tiệm cầm đồ Thái V, ở địa chỉ: phường E, thành phố B, số tiền 180.000đồng còn lại L đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 08/4/2019, sau khi biết số tiền L trả cho mình là tiền trộm cắp mà có, chị N đã tự nguyện giao nộp số tiền 3.800.000đồng để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 143/KLĐG ngày 30/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, thành phố B kết luận:

- 02 bông tai bằng vàng 24k, chất lượng 98%, trọng lượng 01 chỉ, trị giá 3.550.000đồng;

- 01 nhẫn tân gô vuông bằng vàng 24k, chất lượng 98%, trọng lượng 02 chỉ, trị giá 7.100.000đồng;

- 01 sợi dây chuyền bông mai bằng vàng 24k, chất lượng 98%, trọng lượng 03 chỉ, trị giá 10.650.000 đồng;

- Đối với 01 nhẫn kim loại màu vàng, phía trên bên ngoài khắc hình 02 khẩu súng chéo nhau, chữ USN, có đính 01 viên đá màu đỏ; 01 nhẫn kim loại màu vàng phía trên bên ngoài khắc hình 02 khẩu súng chéo nhau, chữ USN, có đính 01 viên đá màu xanh và 01 dây chuyền có dây bằng cước, màu đen dài 40cm, mặt dây chuyền bằng đá, hình giọt nước, bên trong có đính hình con hổ bằng kim loại màu vàng đều là hàng giả, không rõ trọng lượng, chất lượng của tài sản nên Hội đồng không định giá.

Tổng trị giá tài sản là 21.300.000đồng.

Tại bản cáo trạng số 194/CT-VKS ngày 25/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành L về tội: "Trộm cắp tài sản"; tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, tình tiết tăng nặng (bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích) đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (tái phạm) quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, để tuyên bố

Nguyễn Thành L phạm tội: "Trộm cắp tài sản"; và xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L, từ 18 tháng đến 24 tháng tù giam.

Đối với: Chị Nguyễn Thị Kim N là người được bị cáo L trả nợ số tiền 4.300.000đồng, trong đó chị N đã tiêu xài hết số tiền 500.000đồng; anh Nguyễn Văn T là người L đưa số tiền 2.020.000đồng đi chuộc lại điện thoại di động; ông Nguyễn Thu L là người nhận số tiền 2.020.000đồng để cho L chuộc lại điện thoại di động và anh Nguyễn Duy Q là người được L trả nợ số tiền 1.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định, chị N, anh T, ông L và anh Q không biết đây là tiền trộm cắp mà có và đã sử dụng hết số tiền trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đề cập xử lý đối với những người trên và thu hồi số tiền này là phù hợp.

Đối với: Bà Nguyễn Thị H là chủ căn nhà nơi L cất giấu công cụ gây án và bà Phan Thị Hoa H1 là chủ thửa đất nơi L cất giấu tài sản trộm cắp. Quá trình điều tra xác định, bà H và bà H1 không biết việc L cất giấu công cụ và tài sản trên ở nhà mình nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đề cập xử lý đối với những người trên là phù hợp.

Xử lý vật chứng:

- Đối với: Số tiền 3.800.000đồng; 02 bông tai hình bông hoa 6 cánh, ở giữa có đính đá màu trắng; 01 nhẫn tân gô vuông, mặt hình vuông, phần bên ngoài khắc số "9999"; 01 sợi dây chuyền bông mai, dài 40cm gồm nhiều vòng xoắn đan vào nhau; 01 nhẫn kim loại màu vàng, phía trên bên ngoài khắc hình 02 khẩu súng chéo nhau, chữ USN, đính 01 viên đá màu đỏ, hình lục giác; 01 nhẫn kim loại màu vàng phía trên bên ngoài khắc hình 02 khẩu súng chéo nhau, chữ USN có đính 01 viên đá màu xanh, hình lục giác và 01 dây chuyền có dây bằng cước, màu đen dài 40cm, mặt dây chuyền bằng đá, hình giọt nước, bên trong có đính hình con hổ bằng kim loại màu vàng. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của ông Mai Tùng P bị L trộm cắp nên ngày 31/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an, thành phố B, đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông P nhận quản lý, sử dụng.

- Đối với 01 mỏ lết bằng kim loại màu trắng dài 25cm, thân khắc chữ FORGED STEEL, quá trình điều tra xác định đây là công cụ bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 quần Jean màu xanh; 01 áo thun màu xanh và 01 điện thoại đi động hiệu sam sung Galaxy J7 Pro, màu xám. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của bị cáo L không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo L nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác xét xử và thi hành án là phù hợp.

Về phần dân sự của vụ án:

Quá trình điều tra, ông Mai Tùng P không yêu cầu bị cáo L bồi thường tiền chi phí làm lại khuy khóa cửa chính và khóa hộc tủ nhỏ trong tử quần áo. Nhưng ông yêu cầu bị cáo Nguyễn Thành L phải bồi thường số tiền 3.700.000đồng (là tiền bị cáo L trộm cắp chưa thu hồi được). Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa bị cáo có đơn xin khắc phục (trả hết số tiền 3.700.000đồng) và bị hại đã ký nhận đủ số tiền, đồng thời đã có đơn xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng một mức án nhẹ nhất vì các bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã, thực hiện đúng thẩm quyền, tuân thủ đầy đủ theo quy định của thủ tục tố tụng về thu thập tài liệu chứng cứ của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt:

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thành L tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; và phù hợp với các tài liệu,chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, muốn thu lợi bất chính để có tiền tiêu xài cá nhân, nên bị cáo Nguyễn Thành L đã lén lút chiếm đoạt: Số tiền 7.500.000đồng, 02 bông tai, 01 nhẫn, 01 dây chuyền và 02 nhẫn phía ngoài khắc hình hai khẩu súng chéo nhau, tất cả đều là kim loại màu vàng; 01 dây chuyền, có dây bằng cước, màu đen dài 40cm, mặt dây chuyền bằng đá hình giọt nước, bên trong có đính hình con hổ bằng kim loại màu vàng của ông Mai Tùng P,có tổng giá trị là 28.800.000đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thành L, thực hiện đã có đủ các yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. "Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

* Xét tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo Nguyễn Thành L đã thực hiện là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội; bị cáo là người có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bản thân, bị cáo biết được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản của người khác đều bị pháp luật nghiêm trị.

Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến tài sản của người bị hại, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Năm 2015 bị cáo phạm tội "Cướp giật tài sản, đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích", bị cáo không chịu sửa chữa, rèn luyện bản thân để trở thành người tốt, có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (tái phạm) quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Do đó, cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có như vậy mới phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Thành L phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gây thiệt hại không lớn, đã khắc phục hậu quả: Trả lại cho bị hại toàn bộ tài sản trộm cắp và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, trong quá trình xét xử tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét khi lượng hình đối với bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thành L, bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, truy tố về tội *"Trộm cắp tài sản"* được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

* Đối với: Chị Nguyễn Thị Kim N là người được bị cáo L trả nợ số tiền 4.300.000đồng, trong đó chị N đã tiêu xài hết số tiền 500.000đồng; anh Nguyễn Văn T là người L đưa số tiền 2.020.000đồng đi chuộc lại điện thoại di động; ông Nguyễn Thu L là người nhận số tiền 2.020.000đồng để cho L chuộc lại điện thoại di động và anh Nguyễn Duy Q là người được L trả nợ số tiền 1.000.000đồng. Do chị N, anh T, ông L và anh Q không biết đây là tiền trộm cắp mà có và đã sử dụng

hết số tiền trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đề cập xử lý đối với những người trên và thu hồi số tiền này là phù hợp.

* Đối với: Bà Nguyễn Thị H là chủ căn nhà nơi L cất giấu công cụ gây án và bà Phan Thị Hoa H1 là chủ thửa đất nơi L cất giấu tài sản trộm cắp. Do bà H và bà H1 không biết việc L cất giấu công cụ và tài sản trên ở nhà mình nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đề cập xử lý đối với những người trên là phù hợp.

[3] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với: Số tiền 3.800.000đ; 02 bông tai hình bông hoa 6 cánh, ở giữa có đính đá màu trắng; 01 nhẫn tân gô vuông, mặt hình vuông, phần bên ngoài khắc số "9999"; 01 sợi dây chuyền bông mai, dài 40cm gồm nhiều vòng xoắn đan vào nhau; 01 nhẫn kim loại màu vàng, phía trên bên ngoài khắc hình 02 khẩu súng chéo nhau, chữ USN, đính 01 viên đá màu đỏ, hình lục giác; 01 nhẫn kim loại màu vàng phía trên bên ngoài khắc hình 02 khẩu súng chéo nhau, chữ USN có đính 01 viên đá màu xanh, hình lục giác và 01 dây chuyền có dây bằng cước, màu đen dài 40cm, mặt dây chuyền bằng đá, hình giọt nước, bên trong có đính hình con hổ bằng kim loại màu vàng. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của ông Mai Tùng P bị L trộm cắp nên ngày 31/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an, thành phố B, đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông P nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

- Đối với 01 mỏ lết bằng kim loại màu trắng dài 25cm, thân khắc chữ FORGED STEEL, quá trình điều tra xác định đây là công cụ bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 quần Jean màu xanh; 01 áo thun màu xanh và 01 điện thoại đi động hiệu sam sung Galaxy J7 Pro, màu xám. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của bị cáo L không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo L nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác xét xử và thi hành án là phù hợp.

[4] *Về phần dân sự của vụ án:*

Quá trình điều tra, ông Mai Tùng P không yêu cầu bị cáo L bồi thường tiền chi phí làm lại khuy khóa cửa chính và khóa hộc tủ nhỏ trong tử quần áo. Nhưng ông yêu cầu bị cáo Nguyễn Thành L phải bồi thường số tiền 3.700.000đồng (là tiền bị cáo L trộm cắp chưa thu hồi được). Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa bị cáo đã tác động gia đình và đã có đơn xin khắc phục (trả hết số tiền 3.700.000đồng). Bị hại đã ký nhận đủ số tiền và đã có đơn bãi nại xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Việc này phù hợp với quy định của Pháp luật nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

1.Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành L, phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành L 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 08 - 04 - 2019.

* Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đề cập xử lý đối với chị Nguyễn Thị Kim N là người được bị cáo L trả nợ số tiền 4.300.000đồng, trong đó chị N đã tiêu xài hết số tiền 500.000đồng; anh Nguyễn Văn T là người L đưa số tiền 2.020.000đồng đi chuộc lại điện thoại di động; ông Nguyễn Thu L là người nhận số tiền 2.020.000đồng để cho L chuộc lại điện thoại di động và anh Nguyễn Duy Q là người được L trả nợ số tiền 1.000.000 đồng. Do chị N, anh T, ông L và anh Q không biết đây là tiền trộm cắp mà có và đã sử dụng hết số tiền trên.

* Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, không đề cập xử lý đối với bà Nguyễn Thị H là chủ căn nhà nơi L cất giấu công cụ gây án và bà Phan Thị Hoa H1 là chủ thửa đất nơi L cất giấu tài sản trộm cắp. Do bà H và bà H1 không biết việc L cất giấu công cụ và tài sản trên ở nhà mình.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an, thành phố B, trả lại cho chủ sở hữu là ông Mai Tùng P nhận quản lý, sử dụng những tài sản gồm: 3.800.000đồng; 02 bông tai hình bông hoa 6 cánh, ở giữa có đính đá màu trắng; 01 nhẫn tân gô vuông, mặt hình vuông, phần bên ngoài khắc số "9999"; 01 sợi dây chuyền bông mai, dài 40cm gồm nhiều vòng xoắn đan vào nhau; 01 nhẫn kim loại màu vàng, phía trên bên ngoài khắc hình 02 khẩu súng chéo nhau, chữ USN, đính 01 viên đá màu đỏ, hình lục giác; 01 nhẫn kim loại màu vàng phía trên bên ngoài khắc hình 02 khẩu súng chéo nhau, chữ USN có đính 01 viên đá màu xanh, hình lục giác và 01 dây chuyền có dây bằng cước, màu đen dài 40cm, mặt dây chuyền bằng đá, hình giọt nước, bên trong có đính hình con hổ bằng kim loại màu vàng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 mỏ lết bằng kim loại màu trắng dài 25cm, thân khắc chữ FORGED STEEL, là công cụ thực hiện hành vi phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo L 01 quần Jean màu xanh; 01 áo thun màu xanh và 01 điện thoại đi động hiệu sam sung Galaxy J7 Pro, màu xám. Nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho công tác thi hành án.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/06/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Buôn Ma Thuột với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột).

3. *Về phần dân sự:*

Chấp nhận việc ông Mai Tùng P đã nhận đủ số tiền còn lại là: 3.700.000đồng, không yêu cầu bị cáo L bồi thường tiền chi phí làm lại khuy khóa cửa chính và khóa hộc tủ nhỏ trong tủ quần áo và đã có đơn bãi nại xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT1- TANDTC;
- TAND Tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND TP.B;
- Công an TP.B;
- THA phạt tù (Để thi hành);
- CC THADS TP.B;
- Sở tư pháp tỉnh Đăk Lăk;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị An